

Bản án số: 47/2017/HSST
Ngày: 27- 7- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Hội thẩm nhân dân: Bà Thái Thị Mỹ; ông Lê Quốc Tân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2017/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXX ngày 05/7/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T Mê Hy Cô) - sinh năm 1967; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 248/4 đường P, phường P, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; cha Nguyễn Q (sinh năm 1941) và mẹ Phan I (sinh năm 1939); Vợ Phạm Thị Y (sinh năm 1983); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: - Ngày 30/12/1985 bị Tòa án nhân dân thành phố NT xử phạt 03 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 09/01/1986; - Ngày 30/9/1991, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” chấp hành án tại trại giam A2 đến ngày 12/11/1991 thì bỏ trốn; - Ngày 24/3/1995, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 16 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”, “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 59 ngày 30/9/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa là 20 năm tù; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo có mặt.

Người bị hại: Bà Lê Thị Thanh U, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn P, xã E, D, Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông L, sinh năm 1961

2. Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1983

3. Ông Nguyễn V, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã E, D. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn X, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn H 1, xã A, D, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 17 giờ, ngày 25/4/2017, Nguyễn Ngọc T đi xe buýt từ NT lên khu vực cầu ông B (thuộc xã T- NT) để đòi tiền nợ. Sau đó, T thuê xe thô đi lên khu vực Cua A (thuộc thôn P, E, D) để tiếp tục đòi nợ. Tại đây, T phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda (kiểu dáng SH Mode – BKS 79D1 - 305.44 màu vàng-nâu) của chị Lê Thị Thanh U không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. T đi đến dùng chìa khóa tự chế phá khóa xe rồi nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Chị U phát hiện và truy hô, bị người dân truy đuổi, T điều khiển xe theo QL 1A (hướng D – C) rồi rẽ vào đường QL27C (thuộc thôn P, E) rồi bỏ xe lại, chạy bộ vào đường ruộng được khoảng 300 mét thì bị vấp ngã xuống ruộng và bất tỉnh. Sau đó được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện D. Công an xã E đến lập biên bản và tạm giữ xe mô tô BKS 79D1 - 305.44.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D, Nguyễn Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/ĐGTS ngày 26/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện D xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda (kiểu dáng SH Mode BKS 79D1- 305.44 màu vàng - nâu) của chị Lê Thị Thanh U có giá trị 49.300.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 52/CT-KSĐT ngày 15/6/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm chiếc xe mô tô SH MODE BKS 79D1- 305.44 màu vàng – nâu của chị Lê Thị Thanh U.

Người bị hại chị Lê Thị Thanh U xác nhận đã nhận lại chiếc xe mô tô SH MODE BKS 79D1- 305.44 màu vàng - nâu mà bị cáo T đã trộm cắp, bị cáo đã bồi thường cho chị T 4.000.000 đồng nên chị không yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường thiệt hại về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên nội dung bản cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 12 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; về trách nhiệm dân sự: người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không giải quyết; về án phí bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Về tố tụng: Người bị hại là bà Lê Thị Thanh U và những người làm chứng là ông L; ông Nguyễn Đ; ông Nguyễn V; ông Nguyễn X vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, người bị hại là bà Lê Thị Thanh U cũng có lời khai tại cơ quan điều tra và không có yêu cầu bồi thường, vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng

xét xử căn cứ Điều 191, Điều 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bị hại và những người làm chứng.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 15/6/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ cơ sở kết luận: bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng phạm tội về hành vi chiếm đoạt tài sản, không có ý thức cải tạo, tu sửa bản thân thành công dân tốt, do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về xử lý tang vật: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, vắng mặt tại phiên tòa nên tách thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
 - Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;
 - Áp dụng Điều 99; Điều 191; Điều 192; Điều 231; Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự;
 - Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.
3. Về xử lý tang vật: Đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nên không giải quyết.
4. Về trách nhiệm dân sự: Tách thành vụ án dân sự khác khi người bị hại có yêu cầu.
5. Án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Bùi Thị Ân